

Số: /GPMT-STNMT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 649/FAMILY-KT ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình, địa chỉ tại số 73 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thọ Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa Gia đình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Gia đình.

1.2. Địa điểm hoạt động: 73 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thọ Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000070 do Ủy ban nhân dân thành

phố Đà Nẵng chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 9 năm 2012 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 vào ngày 29 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0401306450 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 10 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 0401306450.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám chữa bệnh (bệnh viện).

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành).

- Tổng diện tích của cơ sở: 1.988,5 m², trong đó:

+ Khối Bệnh viện đa khoa Gia đình (11 tầng): 1.726,8 m²;

+ Khối điều trị nội trú mở rộng (09 tầng): 261,7 m².

- Công suất hoạt động: 250 giường bệnh, trong đó:

+ Khối Bệnh viện đa khoa Gia đình: 222 giường bệnh;

+ Khối điều trị nội trú mở rộng: 28 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác có liên quan; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Hải Châu, UBND phường Hòa Thuận Tây và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm.

(Từ ngày tháng ... năm 2023 đến ngày tháng ... năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện đa khoa Gia đình theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- PGĐ. Sở - Đặng Quang Vinh;
- UBND quận Hải Châu (biết, phối hợp);
- UBND phường Hòa Thuận Tây (biết, phối hợp);
- Công ty CP Y khoa Bác sỹ Gia đình (thực hiện);
- Chi cục Bảo vệ môi trường (thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Sở TN&MT (đăng tải);
- Lưu: VT, CCMT, T.

GIÁM ĐỐC

Phạm Nam Sơn



Quét mã QR tại đây

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường mà được đầu nối về trạm xử lý nước thải đô thị của thành phố để tiếp tục xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 160 m³/ngày đêm để xử lý trước khi đầu nối về trạm xử lý nước thải đô thị của thành phố, trong đó:

- Khối Bệnh viện đa khoa Gia đình:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh tay, chân, thân thể, giặt quần áo, vệ sinh dụng cụ khám chữa bệnh, rửa sàn và nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh các tầng được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn được thu gom vào 07 hộp tách mỡ inox với kích thước L × B × H = (0,6×0,4×0,3)m để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Khối điều trị nội trú mở rộng: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh tay, chân, thân thể, rửa sàn và nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh các tầng (từ tầng 06 đến tầng 09) được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể lắng cặn thông khí → Giỏ tách rác thô → Bể điều hòa → Hộp định lượng nước thải → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí MBBR 01 → Bể hiếu khí MBBR 02 → Bể lọc hạt mang → Bể khử trùng → Bể bơm nước ra → Hồ ga kiểm tra → Trạm xử lý nước thải đô thị của thành phố.

- Công suất thiết kế: 160 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chlorine dạng bột, Na₂CO₃, Methanol; giá thể vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Bố trí nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Kết cấu công trình phải kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Bố trí các bộ kỹ thuật có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải phù hợp và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình này, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý.

- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải đầu vào để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ hoặc lưu lượng nước thải tăng đột biến.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 160 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải đầu vào: 01 vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại bể điều hòa.

- Nước thải sau xử lý: 01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại bể bơm nước ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 160 m³/ngày đêm bảo đảm đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B với hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------|
| 1 | pH | - | 6,5 - 8,5 |
| 2 | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 60 |
| 3 | COD | mg/l | 120 |
| 4 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 120 |

| | | | |
|----|-------------------------------------|-----------|-------|
| 5 | Sulfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4,8 |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 12 |
| 7 | Nitrat (tính theo N) | mg/l | 60 |
| 8 | Phosphat (tính theo P) | mg/l | 12 |
| 9 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | 24 |
| 10 | Tổng coliforms | mg/l | 5.000 |
| 11 | Salmonella | MPN/100ml | KPH |
| 12 | Shigella | MPN/100ml | KPH |
| 13 | Vibrio cholerae | MPN/100ml | KPH |

Ghi chú: KPH: Không phát hiện. Đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, sử dụng hệ số K = 1.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý sơ bộ đáp ứng yêu cầu tại Mục 2.2.2 Phần B của Phụ lục này và có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung; trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hay thay thế hoặc chính quyền địa phương có văn bản khác quy định về chất lượng nước thải đầu nối, chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát.

3.3. Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình chịu toàn bộ trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của thành phố để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do không có công trình, thiết bị xử lý khí thải).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 800 kVA (bố trí khu vực riêng biệt tại tầng 01 của Khối điều trị nội trú mở rộng) được thải ra môi trường thông qua ống thoát khí kích thước $L \times B = (2,5 \times 0,7)$ m, vị trí xả thải tại tầng 5 của khối điều trị nội trú mở rộng và cách mặt đất 14m.

- Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 160 m³/ngày được thải ra môi trường thông qua ống thoát khí kích thước $L \times B = (0,5 \times 0,5)$ m, vị trí xả thải tại tầng mái của Khối Bệnh viện đa khoa Gia đình, cách tầng mái 2,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng trong các trường hợp mất điện, vận hành bảo dưỡng theo quy trình của nhà sản xuất) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.2. Công ty cổ phần Y khoa Bác sỹ Gia đình có trách nhiệm giám sát chặt chẽ toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ cơ sở và kịp thời có các biện pháp xử lý phù hợp để bảo đảm không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Phụ lục III

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: khu vực đặt máy phát điện dự phòng công suất 800 kVA tại tầng 01 của Khối điều trị nội trú mở rộng.

- Nguồn số 02: máy thổi khí phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 160 m³/ngày đêm (02 máy) đặt tại tầng 01 của Khối Bệnh viện đa khoa Gia đình.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tọa độ X = 1775629,574; Y = 548938,402;

- Nguồn số 02: tọa độ X = 1775620,727; Y = 548940,562.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|---------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------|
| 1 | 55 | 45 | - | Khu vực đặc biệt |

3.2. Độ rung

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|-------------|----------------------------|------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21-6 giờ | | |
| 1 | 60 | 55 | - | Khu vực đặc biệt |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy phát điện được bố trí ở khu vực riêng biệt, trong nhà kín và lắp đặt vật liệu cách âm; nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su và lắp đặt các bộ phận tiêu âm.

- Các loại máy móc, thiết bị gây ồn và rung khác được lắp đặt bộ chống rung, ống tiêu âm và bố trí ở khu vực riêng biệt.

- Thường xuyên bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị, vận hành đúng công suất, bôi trơn dầu mỡ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

| TT | Tên chất thải | Mã chất thải | Khối lượng (kg/tháng) |
|----|--|--------------|-----------------------|
| 1 | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | 13 01 01 | 14.339,0 |
| 2 | Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại | 13 01 02 | 83,3 |
| 3 | Dược phẩm gây độc tế bào thải (Thuốc, dược phẩm hết hạn sử dụng gây độc tế bào thải bỏ) | 13 01 03 | 8,3 |
| 4 | Chất hàn răng amalgam thải | 13 01 04 | 2,0 |
| 5 | Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (nhiệt kế, huyết áp kế) | 13 03 02 | 0,2 |
| 6 | Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc) | 19 12 03 | 3,2 |
| 7 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | 16 01 06 | 8,3 |
| 8 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | 3,4 |
| 9 | Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác | 17 02 04 | 3,1 |
| 10 | Pin, ắc quy thải | 16 01 12 | 0,8 |
| | Tổng cộng | | 14.451,6 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

| STT | Tên chất thải | Mã chất thải | Khối lượng (tấn/năm) |
|-----|---|--------------|----------------------|
| 1 | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bùn thải nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa | 12 06 10 | 399,6 |
| 2 | Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ | 12 06 11 | 1,8 |

| | | | |
|---|--|----------|--------------|
| | động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước | | |
| 3 | Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Vỏ chai, lọ, túi đựng thuốc hoặc hóa chất; dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất) | 13 01 05 | 54,0 |
| 4 | Hóa chất thải không chứa thành phần nguy hại | 13 01 06 | 10,8 |
| 5 | Dược phẩm không có thành phần gây độc đối với tế bào | 13 01 07 | 10,8 |
| | TỔNG KHỐI LƯỢNG | | 477,0 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 38,7 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí bao bì, thiết bị, thùng chứa có nắp đậy và dán nhãn, biển dấu hiệu cảnh báo cho từng loại khác nhau.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: 4,7 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: xây dựng kín có tường bao xung quanh; nền bê tông cốt thép, lát gạch men đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, không bị nước mưa chảy tràn vào; cửa kho kín được lắp đặt kiên cố và có gờ chắn cao 150mm bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; chiều cao 3,6m.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng lưu chứa có nắp đậy và dán nhãn phân biệt.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 17,2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: xây kín có tường bao xung quanh; nền bê tông cốt thép và lát gạch men đảm bảo không thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; cửa kho kín được lắp đặt kiên cố; chiều cao 3,6m.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn kích thước L×B×H= (3,67×5,7×2,5)m, kết cấu bằng bê tông cốt thép; hợp đồng đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hỗn hợp dầu, mỡ thải và chất béo từ quá trình phân tách dầu/nước được lưu giữ tạm thời trong thùng chứa có thể tích 50 lít đặt tại khu vực bếp ở tầng 11 khối Bệnh viện đa khoa Gia đình và được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT
ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nâng công suất Bệnh viện đa khoa Gia đình - Quy mô 250 giường bệnh” và Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nâng công suất Bệnh viện đa khoa Gia đình - Quy mô 250 giường bệnh”.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Công khai giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT và các quy định khác có liên quan. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, cháy

nổ, an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của cơ sở gây ra. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện lưu giữ các tài liệu liên quan đến môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

